

Bản án số: 24/2020/HS-PT

Ngày: 11-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn.

Các thẩm phán:

Bà Phạm Thị Xuân Đào

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 346/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Trần Văn N do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 79/2019/HS-ST ngày 15/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn N, sinh năm 1973, tại Bình Định; Nơi cư trú: Đội A, thôn A1, Xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần C2, sinh năm 1937 và bà Lê Thị A2, sinh năm 1942; Vợ: Bùi Thị Kim L, sinh năm 1975; có 02 con sinh năm 1993 và 1995; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/5/2019. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo N: Luật sư **Nguyễn Minh Khánh** và Luật sư **Trần Minh Thuận** thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

Địa chỉ: Công ty Luật X tại Tầng 3, đường L1, quận K, thành phố Đà Nẵng.

- *Người bị hại:* Chị **Nguyễn Thị L2**, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp Q1, xã N1, huyện Q, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư **Vũ Văn Tăng**- thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: tổ B, khu phố B1, phường D, thành phố B2, tỉnh Đồng Nai, (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông **Lê D1**- 1968, địa chỉ: Số 5/4, ấp Q1, xã N1, huyện Q, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2/ Anh **Trương Trọng N2**- 1994, địa chỉ: Thôn X2, xã E, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3/ Chị **Bùi Thị Kim L**- 1975, địa chỉ: thôn A1, Xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4/ Chị **Đào Thị Kim TH**- 1975, địa chỉ: TR2, phường D3, thành phố P1, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

5/ Anh **Chiêm Văn TH1**- 1972, địa chỉ: TR2, phường D3, thành phố P1, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

6/ Anh **Vũ Thái B3**- 1970, địa chỉ: Khu X3, ấp S, xã TR3, huyện N5, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

7/ Anh **Nguyễn Bá TR**- 1975, địa chỉ: Khu 3, phường TR1, thị xã N4, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

8/ Anh **Bùi Xuân H**- 1975, địa chỉ: Tổ X4, TH3, thị xã N4, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

9/ Anh **Triệu A N3**- 1971, địa chỉ: Thôn X2, Xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

10/ Bà **Phạm Thị H1**- 1960, địa chỉ: đường L4, Phường X1, quận B4, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người làm chứng:

1/ Chị **Trịnh Thị TH2**- 1971, địa chỉ: Tổ X5, khu phố Q1, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2/ Anh **Hồ Quốc C3**- 1978, địa chỉ: Tổ X5, khu phố Hiệp Lợi, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

3/ Anh **Nguyễn Tấn P-** 1979, địa chỉ: Thôn A1, Xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4/ Anh **Trần Văn D2-** 1983, địa chỉ: Thôn A1, Xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

5/ Anh **Nguyễn Phi H2-** 1976, địa chỉ: Tổ X4, ấp Q1, xã N1, huyện Q, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

6/ Anh **Trần Trọng Q1-** 1968, địa chỉ: Thôn X2, xã E, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

7/ Bà **Nguyễn Thị L3-** 1955, địa chỉ: Thôn A1, Xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn N có mối quan hệ quen biết và làm ăn chung với bà Nguyễn Thị L2. Qua việc Thu mua heo tại huyện Q vào năm 2012, N làm ăn chung với bà L2 với phương thức bà L2 bỏ vốn (tiền mặt) ra trước, rồi N cùng bà L2 đi thu mua heo trên địa bàn huyện Q mang về tập trung tại “Trại heo” của bà L2 thuộc ấp 3, xã Phú Ngọc, huyện Q, tỉnh Đồng Nai. Khi đủ số lượng 01 chuyến thì giao cho N chở heo về tỉnh Đắk Lắk mang bán cho thương lái, tiền bán heo thống nhất từ 01 đến 02 ngày N mang về đưa lại cho bà L2, trừ các khoản chi phí số tiền lời lãi sẽ chia đều cho hai bên.

Vào ngày 03/11/2013, N cùng với ông Lê D1 (là chồng bà L2) và người làm thuê cho bà L2 tên là Nguyễn Phi H2, Hồ Quốc C3, Nguyễn Tấn P đi thu mua gom heo tại địa bàn huyện Q, tiền mua heo do bà L2 bỏ ra trước trả cho khách hàng rồi chở heo về “Trại heo” của bà L2. Sau khi tiến hành kiểm tra trọng lượng, đếm số lượng heo rồi bà L2 giao cho N 71 con heo hơi với tổng trọng lượng 5.738kg, quy ra thành tiền giá thị trường là 261.660.000 đồng và giao cho N số tiền 10.000.000 đồng (là tiền bà L2 đưa cho N để đổ xăng và ăn uống trên đường chở heo về tỉnh Đắk Lắk).

Sau khi nhận heo xong, N gọi anh Nguyễn Tấn P lái xe ô tô tải biển số 47C-064.xx chở 71 con heo về nhà N thuộc huyện C1, tỉnh Đắk Lắk. Do bận việc nên N kêu vợ là Bùi Thị Kim L và anh Trương Trọng N2 lái xe tải biển số 47C-064.xx chở 71 con heo bán cho bà Đào Thị Kim TH tại phường D3, thành

phố P1, tỉnh Gia Lai được số tiền 190.000.000 đồng. Đồng thời, N gọi điện thoại cho bà L nói bán luôn xe ô tô tải biển số 47C-064.xx cho bà TH với giá 560.000.000 đồng. Bà TH đồng ý mua 71 con heo và mua chiếc xe ô tô nêu trên. Bà TH giao cho bà L số tiền 750.000.000 đồng, bà L mang số tiền trên đưa về cho N cất giữ. Do làm ăn thua lỗ, thiếu nợ, không có khả năng chi trả, nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền bán heo của bà L2. Đến ngày 06/11/2013 không thấy N mang tiền về nên bà L2 điện thoại cho N. N nói dối với bà L2 là bà L đi bán heo và đi khám bệnh chưa về, nhằm lẫn tránh, không quay lại huyện Q trả tiền cho bà L2. N đã chiếm đoạt số tiền bán 71 con heo của bà L2, tiêu xài cho cá nhân. Sau đó, bà L2 đã làm đơn tố cáo N đến cơ quan Công an.

*Tài sản thiệt hại: 71 con heo hơi, có tổng trọng lượng là 5.738 kg. Căn cứ bản kết luận định giá tài sản ngày 05/04/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Định Quán, xác định tổng trị giá tài sản là: 275.424.000 đồng (bút lục số 735 - 738).

Ngày 14/4/2015, Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán đã ban hành Cáo trạng số 58/CT-VKS-HS, truy tố bị can Trần Văn N, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng*” theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù (bút lục số 742 - 744).

Tại Bản án số 62/2016/HSST ngày 26/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 140; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Văn N 08 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, buộc bị cáo Trần Văn N phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L2 và ông Lê D1 số tiền là: 275.424.000 đồng (bút lục số 749 - 751).

Ngày 28/4/2016, Trần Văn N làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 01/5/2016, bà Nguyễn Thị L2 làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tăng nặng hình phạt (bút lục số 597, 603).

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 230/2016/HS-PT ngày 26/8/2016, của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không căn cứ vào kết quả định giá tài sản tại thời điểm gây thiệt hại (ngày 03/11/2013) và địa điểm gây thiệt hại (huyện Q), với số tiền là 275.424.000 đồng như Hội đồng

định giá tài sản huyện Định Quán kết luận để xét xử bị cáo Trần Văn N theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 mà lại căn cứ vào lời khai của các bên mua bán heo tại tỉnh Gia Lai với số tiền bán heo thực tế là 190.000.000 đồng, để xét xử bị cáo theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tuyên phạt bị cáo Trần Văn N 04 năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đồng thời không buộc bị cáo Trần Văn N phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L2 số tiền 190.000.000 đồng mà bị cáo N đã chiếm đoạt (bút lục số 677 - 679).

Không đồng ý với Bản án hình sự phúc thẩm số 230/2016/HSPT ngày 26/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Ngày 29/9/2016, bà L2 làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xem xét hủy bản án phúc thẩm theo thủ tục Giám đốc thẩm (bút lục số 697).

Ngày 29/9/2016, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có Báo cáo số 416/BC-VKS-P7 đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xem xét kháng nghị Giám đốc thẩm đối với Bản án hình sự phúc thẩm số 230/2016/HSPT ngày 26/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (bút lục số 695, 696).

Ngày 08/11/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có Công văn số 1013/TA gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, kiến nghị hủy Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (bút lục số 698).

Ngày 14/02/2017, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-VC3-V1 kháng nghị Giám đốc thẩm Bản án hình sự phúc thẩm số 230/2016/HSPT ngày 26/8/2016, của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm theo hướng: Hủy một phần Bản án phúc thẩm nói trên phần về điều khoản áp dụng, mức hình phạt và mức bồi thường thiệt hại đã tuyên đối với bị cáo Trần Văn N để xét xử lại từ cấp phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật (bút lục số 699, 670).

Ngày 16/9/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định Giám đốc thẩm số 41/2017/HS-GĐT, hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 230/2016/HSPT ngày 26/8/2016, của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và hủy Bản án số 62/2016/HSST ngày 26/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán đối với bị cáo Trần Văn N bị xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” để điều tra lại theo thủ tục chung (bút lục số 671, 672).

Bản cáo trạng số 53/CT-VKS-HS ngày 13 tháng 7 năm 2018 VKS huyện Định Quán đã truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án sơ thẩm số 79/2019/HS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán đã áp dụng khoản 3, Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần Văn N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L2 và ông Lê D1 số tiền 275.424.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/10/2019, bị hại kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm; ngày 10/10/2019, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt..

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Hành vi của Trần Văn N đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ Bản án Giám đốc thẩm số 41/2017/HS-GĐT ngày 06/9/2017, Tòa án Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã hủy Bản án phúc thẩm số 230/2016/HS-PT ngày 26/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và Bản án sơ thẩm số 62/2016/HSST ngày 26/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán với nội dung yêu cầu điều tra làm rõ các chi phí, các khoản ăn chia theo thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Đồng thời điều tra làm rõ chủ sở hữu chiếc xe ô tô biển số 47C – 064.53 và có hay không việc N đã chiếm đoạt chiếc xe ô tô trên theo như trình bày của bà L2.

Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ yêu cầu làm rõ các nội dung nêu trên đồng thời cho tiến hành đối chất giữa bị cáo, bị hại và các nhân chứng anh Trương Trọng N2, anh Chiêm Văn TH1, anh Vũ Thái B3, bà Phạm Thị H1 để làm rõ nguồn gốc, chủ sở hữu xe ô tô tải nêu trên từ đó xác định bị cáo có hành vi chiếm đoạt xe của bị hại hay không. Nhưng Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cấp sơ thẩm không làm rõ là thiếu sót có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên xử hủy Bản án sơ thẩm số 79/2019/HS-ST ngày 15/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại.

Do hủy án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn N.

Quan điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Thống nhất với quan điểm và nhận định của Viện kiểm sát. Trong vụ án này, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cấp sơ thẩm đã bỏ lọt hành vi phạm tội của bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên xử hủy Bản án sơ thẩm số 79/2019/HS-ST ngày 15/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của bị hại:

Hồ sơ thể hiện: Vào ngày 03/11/2013 sau khi nhận nhận 71 con heo hơi, có tổng trọng lượng là 5.738 kg trị giá 275.424.000đ của bà Nguyễn Thị L2, bị cáo Trần Văn N đã mang về tỉnh Đắk Lắk bán cho bà Đào Thị Kim TH với giá là 190.000.000 đồng. Sau đó bị cáo dùng số tiền này trả nợ và sử dụng cá nhân mà không giao tiền cho bà L2 như thỏa thuận.

Hành vi của Trần Văn N đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 41/2017/HS-GĐT ngày 06/9/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án phúc thẩm số 230/2016/HS-PT ngày 26/8/2016, của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và bản án sơ thẩm số 62/2016/HSST ngày 26/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán với nội dung yêu cầu điều tra làm rõ các chi phí, các khoản ăn chia theo thỏa thuận của bị cáo và bị hại. Đồng thời điều tra làm rõ chủ sở hữu chiếc xe ô tô biển số 47C – 064.53, và có hay không việc N đã chiếm đoạt chiếc xe ô tô trên theo như trình bày của bà L2. Khi xét xử sơ thẩm lần hai, cấp sơ thẩm cũng đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ các chi phí để làm căn cứ xác định phạm vi, mức độ thiệt hại, và điều tra làm rõ về nguồn gốc và chủ sở hữu chiếc xe ô tô biển số 47C – 064.53.

Xét thấy, giữa bị cáo Trần Văn N và bị hại Nguyễn Thị L2 có thỏa thuận làm ăn chung, sau khi N bán được heo sẽ mang tiền về cho bị hại L2, trừ các

khoản chi phí số tiền lời sẽ chia đều cho hai bên. Như vậy, đối với 71 con heo hơi trị giá 275.424.000 đồng bị cáo chiếm đoạt ngày 03/11/2013 phải trừ đi chi phí để xác định tiền lời của bị cáo và bị hại. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ chi phí của việc mua bán để xác định tiền lời của bị cáo được nhận từ đó làm căn cứ tính số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là thiếu sót, ảnh hưởng đến việc xác định phạm vi, mức độ nghiêm trọng và quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Ngoài ra trong vụ án này, bị cáo còn có hành vi bán chiếc xe tải biển số 47C-064.xx, theo bị cáo khai chiếc xe do bị cáo vay tiền của bị hại để mua và nhờ anh Trương Trọng N2 đứng tên, theo bị hại khai chiếc xe trên là tài sản của bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung đề nghị cho tiến hành đối chất giữa bị cáo và bị hại, anh Trương Trọng N2, bà Bùi Thị Kim L, anh Chiêm Văn TH1, anh Vũ Thái B3, bà Phạm Thị H1 để làm rõ nguồn gốc, chủ sở hữu xe ô tô tải trên, từ đó xác định bị cáo có hành vi chiếm đoạt xe của bị hại hay không nhưng chưa được làm rõ là có thiếu sót, có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội của bị cáo.

Do đó, cần hủy bản án số 79/2019/HS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán và chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại.

Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn N.

[3] Về án phí: Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Do hủy bản án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 79/2019/HS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Chuyển hồ sơ về Viện kiểm sát huyện Định Quán để điều tra xét xử lại.

Về án phí: bị cáo Trần Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Đào

Phan Thị Thu Hương

Nguyễn Thành Sơn

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân H.Định Quán (2);
- Viện kiểm sát nhân dân H. Định Quán;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Định Quán;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an H. Định Quán;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Sơn

Số: **01/2020/HSPT-QĐTG**

Đồng Nai, ngày 11 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Xuân Đào.

Bà Phan Thị Thu Hương.

Căn cứ các điều 109, 113, 119, 347, 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng xét xử phúc thẩm;

Xét thấy cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tạm giam bị cáo: **Trần Văn N**, sinh năm 1973, tại Bình Định; Nơi cư trú: Đội A, thôn A1, Xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán;

Thời hạn tạm giam tính từ ngày tuyên án cho đến ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Q thụ lý lại vụ án.

2. Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa) có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Bị cáo (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thành Sơn